

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BNV-TH
V/v Báo cáo thống kê chỉ tiêu phát triển giới của quốc gia năm 2020

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 của Quốc hội, Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia, Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia, Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ, Bộ Nội vụ đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (trừ Bộ Quốc phòng và Bộ Công an) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống kê, báo cáo các số liệu (theo biểu hướng dẫn gửi kèm), cụ thể như sau:

1. Số liệu nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền (biểu mẫu số 0103a.N/BNV-TCHC và biểu mẫu số 0103b.N/BNV-TCHC);
2. Số liệu số lãnh đạo chủ chốt là nữ (biểu mẫu số 0104.K/BNV-TCHC);
3. Số liệu số Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ (biểu mẫu số 0105.K/BNV-TCHC);
4. Số liệu các cơ quan nhà nước có từ 30% lao động nữ trở lên có lãnh đạo chủ chốt là nữ (biểu mẫu số 0106.N/BNV-TCHC).

Báo cáo thống kê chỉ tiêu phát triển giới của quốc gia năm 2020 đề nghị gửi về Bộ Nội vụ (qua Vụ Tổng hợp) **trước ngày 15/4/2021** để kịp thời tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội theo quy định.

Đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao Vụ/Ban Tổ chức cán bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Nội vụ làm đầu mối thực hiện, nếu gặp khó khăn đề nghị liên hệ với Vụ Tổng hợp, Bộ Nội vụ để giải đáp (số điện thoại: 024.37957053, 0934469599)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Triệu Văn Cường;
- SNV các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, Vụ TH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Triệu Văn Cường

BỘ NỘI VỤ

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI BIỂU BÁO CÁO

(Kèm theo Công văn số /BNV-TH ngày .../3/2021 của Bộ Nội vụ)

I. Biểu số 0103a.N/BNV-TCHC: Nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền cấp Trung ương; Biểu số 0103b.N/BNV-TCHC: Nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền cấp địa phương

1. Mục đích, ý nghĩa

Phản ánh số lượng lãnh đạo chính quyền và vai trò của phụ nữ cũng như sự bình đẳng giới trong việc tham gia lãnh đạo chính quyền từ cấp địa phương đến cấp Trung ương, giúp Nhà nước có căn cứ lập kế hoạch đào tạo, quy hoạch, sử dụng cán bộ nữ nhằm thúc đẩy sự bình đẳng giới.

2. Khái niệm, phương pháp tính, cách ghi biểu

a) Khái niệm, phương pháp tính

Tổng số lãnh đạo chính quyền là toàn bộ số người tham gia lãnh đạo chính quyền ở các cấp (cấp tỉnh/thành phố, huyện/quận/thị xã, xã/phường/thị trấn).

Nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền là toàn bộ nữ tham gia lãnh đạo chính quyền ở các cấp (cấp tỉnh/thành phố, huyện/quận/thị xã, xã/phường/thị trấn).

Chức vụ lãnh đạo chính quyền gồm:

(1) Cấp Trung ương, gồm: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thứ trưởng và tương đương; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.

(2) Cấp tỉnh, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc, Phó giám đốc Sở và tương đương.

(3) Cấp huyện, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân.

(4) Cấp xã, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu có đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

c) Cách ghi biểu

Biểu số 0103a.N/BNV-TCHC: Nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền cấp Trung ương

Cột 1: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 2: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở tương ứng với các dòng của cột A;

Biểu số 0103b.N/BNV-TCHC: Nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền cấp địa phương

Cột 1: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 2: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền cấp tỉnh tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 3: Ghi số nữ lãnh đạo chính quyền cấp tỉnh tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 4: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền cấp huyện tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 5: Ghi số nữ lãnh đạo chính quyền cấp huyện tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 6: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền cấp xã tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 7: Ghi số nữ lãnh đạo chính quyền cấp xã tương ứng với các dòng của cột A;

II. Biểu mẫu số 0104.K/BNV-TCHC: Số liệu số lãnh đạo chủ chốt là nữ

1. Mục đích, ý nghĩa

Phản ánh vai trò và vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ.

2. Khái niệm, phương pháp tính, cách ghi biểu

a) Khái niệm, phương pháp tính

Lãnh đạo chủ chốt trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ là các chức vụ từ Thứ trưởng hoặc tương đương trở lên.

b) Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu có đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

c) Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tổng số lãnh đạo chủ chốt.

Cột 2: Ghi số lãnh đạo chủ chốt nữ.

III. Biểu mẫu số 0105.K/BNV-TCHC: Số Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ

1. Mục đích, ý nghĩa

Phản ánh vai trò và vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo của Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Khái niệm, phương pháp tính, cách ghi biểu

a) Khái niệm, phương pháp tính

Lãnh đạo chủ chốt của Ủy ban nhân dân bao gồm: Chủ tịch và Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Số Ủy ban nhân dân có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ là tổng số Ủy ban nhân dân ở từng cấp có cán bộ chủ chốt là nữ.

b) Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu có đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

c) Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tổng số Ủy ban nhân dân tương ứng với các dòng của cột A.

Cột 2: Ghi tổng số Ủy ban nhân dân ở cấp tỉnh tương ứng với các dòng của cột A.

Cột 3: Ghi tổng số Ủy ban nhân dân ở cấp huyện tương ứng với các dòng của cột A;

Cột 4: Ghi tổng số Ủy ban nhân dân ở cấp xã tương ứng với các dòng của cột A.

IV. Biểu mẫu số 0106.N/BNV-TCHC: các cơ quan nhà nước có từ 30% lao động nữ trở lên có lãnh đạo chủ chốt là nữ

1. Mục đích, ý nghĩa

Phản ánh vai trò và vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo các cơ quan Nhà nước.

2. Khái niệm, phương pháp tính, cách ghi biểu

a) Khái niệm, phương pháp tính

Cơ quan Nhà nước bao gồm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp. Ở cấp Trung ương, lãnh đạo chủ chốt bao gồm Phó Vụ trưởng và tương đương trở lên. Ở cấp tỉnh, lãnh đạo chủ chốt bao gồm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và tương đương trở lên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân trở lên, Phó Giám đốc Sở và tương đương trở lên. Ở cấp huyện, lãnh đạo chủ chốt bao gồm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và tương đương trở lên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân trở lên, Phó các phòng, ban cấp huyện và tương đương trở lên. Ở cấp xã, lãnh đạo chủ chốt bao gồm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và tương đương trở lên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân trở lên.

Số hợp đồng lao động là số người lao động làm việc hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Tỷ lệ 30% nữ được tính trong số biên chế thực tế và số hợp đồng lao động dài hạn.

b) Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu có đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

c) Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi số biên chế thực tế và số hợp đồng lao động dài hạn.

Cột 2: Ghi số lao động nữ.

Cột 3: Ghi số lãnh đạo chủ chốt là nữ./.